

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**  
**Về dự toán chi ngân sách năm 2020**  
**đối với Trường THCS Lý Tự Trọng**

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại UBND quận Gò Vấp Phòng tài chính - Kế hoạch có buổi làm việc với trường THCS Lý Tự Trọng về dự toán chi ngân sách năm 2020,

Thành phần gồm có :

**A. Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch:**

Bà: Trần Khôi Nguyên Chức vụ: Chuyên viên

Bà: Đặng Thị Hồng Ngân Chức vụ: Chuyên viên

**B. Đại diện trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng**

Ông/Bà: *Nguyễn Hữu Hiê* Chức vụ: Hiệu Trưởng

Ông/Bà: *Trần Xuân T* Chức vụ: Kế toán

**I. Số liệu dự toán chi ngân sách :**

Qua thảo luận, ý kiến tham gia của các bên cùng ghi nhận số liệu dự toán chi ngân sách năm 2020 như sau:

**1. Kinh phí thường xuyên: (a+b+c+d) 18.214.810.797 đồng**

*(Kèm theo phụ lục xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2020)*

**a. Chi cho con người: 9.331.168.654 đồng**

Nội dung	Nguồn 13 (tính trên mức lương cơ sở 1,21)	Nguồn 14 (chênh lệch mức lương cơ sở 1,49 và 1,21)
Tổng nguồn	<b>6.954.372.397</b>	<b>2.376.796.257</b>
- Lương	4.120.921.200	953.601.600
- Các khoản phụ cấp	1.265.885.544	292.932.192
- Phụ cấp nhà giáo	465.656.400	107.755.200
- Các khoản đóng góp	1.101.909.253	254.987.265
- Cấp bù miễn giảm học phí		767.520.000

**b. Kinh phí định biên chênh lệch: 510.089.580 đồng**

Chênh lệch định biên nguồn 13  
(tính trên mức lương cơ sở 1,21 triệu đồng) 414.233.820 đồng

Chênh lệch định biên nguồn 14  
(chênh lệch mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng và 1,21 triệu  
đồng) 95.855.760 đồng

**c. Chi hoạt động theo học sinh: 2.662.868.000 đồng**

2.132 học sinh x 1.249.000đ/học sinh

- Thực hiện tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên 266.286.800 đồng

**d. Chi thường xuyên khác: 154.000.000 đồng**

- Bổ sung 02 bảo vệ & 02 tạp vụ: 144.000.000 đồng

- Pho cấp 10.000.000 đồng

**e. Thực hiện Nghị quyết 03**

- Nhu cầu chi NQ03 6.240.739.363 đồng (e1)

- Sử dụng nguồn CCTL năm 2019 chuyển sang năm 2020	417.768.000	đồng (e2)
- 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2020	266.286.800	đồng (e3)
=> Ngân sách cấp NQ03 (e1-e2-e3)	<b>5.556.684.563</b>	<b>đồng</b>
<b>2. Kinh phí không thường xuyên:</b>	-	<b>đồng</b>
- Kinh phí sửa chữa, cải tạo trường được ngân sách cấp:		đồng
<b>3. Số thu sự nghiệp:</b>		
- Thu học phí	1.151.280.000	đồng (3a)
- Thu căn tin, giữ xe	1.660.770.000	đồng (3b)
- Thực hiện nộp thuế và chi phí	1.478.970.000	đồng (3c)
- Trích lập 40% CCTL từ chênh lệch thu-chi:	72.720.000	đồng (3d)
- Số thu được sử dụng chi hoạt động:	109.080.000	đồng (3e)
<b>4. Tổng ngân sách cấp năm 2020 (1+2-3e):</b>	<b>18.105.730.797</b>	<b>đồng</b>

**Trong đó:** chi tiết như sau:

Chi thường xuyên nguồn 13	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương)	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng hệ số từ 1,21 trở lên 1,49 trở + nq03	Kinh phí NQ03 (NGUỒN 14)	Chi không thường xuyên
1	2	3	4	5
9.810.107.417	266.286.800	1.705.132.017	5.556.684.563	0

**Ghi chú :**

- Đơn vị sử dụng nguồn CCTL chi thu nhập tăng thêm theo NQ03 theo đúng thứ tự ưu tiên được quy định tại khoản 1 Điều 5 NQ03, cụ thể:

- + Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị từ năm trước chuyển sang;
- + Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cấp theo quy định.
- Nguồn CCTL được trích lập từ nguồn thu được để lại hàng năm theo quy định.
- + Sau khi sử dụng hết các nguồn cải cách tiền lương nêu trên, trường hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết 03 còn thiếu so với nguồn hiện có, đơn vị có báo cáo bằng văn bản về Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân bổ sung kinh phí.

**II. Ý kiến của các bên:**

**1. Phòng Tài chính – Kế hoạch:**

Khi được phân giao dự toán, đề nghị đơn vị thực hiện phân bổ dự toán; quản lý, sử dụng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

**2. Trường THCS Lý Tự Trọng**

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

TRƯỜNG THCS *Lý Tự Trọng*  
**HIỆU TRƯỞNG**

**PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH**



*Trần Khôi Nguyễn*

**Trần Khôi Nguyễn**

*Đặng Thị Hồng Ngân*

**Đặng Thị Hồng Ngân**

*Dương Hữu Đức*

NẤY DỰNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP 2020

Mã số	Nội dung	Số người làm việc được giao	Số người làm việc có mặt: Số người được hưởng chế độ ưu đãi	Hệ số	Mức lương tối thiểu (1.210.000) NG/ON 13	Mức lương tối thiểu (1.490.000)	Tổng NG/ON 14	Nguồn 14		Dự toán chi TX NGÂN SÁCH CẤP	Dự toán chi không ngân sách N.V.M 2020	Cấp bù học phí theo NQ 25	Dự toán thu chi PHỤ VÀ THU KHÁC	Lớn thu cấp thu, thu cơ thuế	10% HIẾT KIỂM CHỨ ĐỒ THUỐNG XUYEN	Nguồn CCT.L năm 2019 chuyển sang	Tổng dự toán NS cấp năm 2020
								Kinh phí (Chức lương) (1.490.000) (1.210.000)	Kinh phí theo NQ 01/2018								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>I</b>	<b>DỰ TOÁN NGÂN SÁCH</b>																
	A																
	Chi chi còn lại																
	<b>I</b>	<b>Định biên</b>															
	1	Biên chế	98		10.185.472,17	11.736.686,334	7.945.871,380	7.905.112,017	7.54	18.131.145,597							
	2	Biên chế	0		6.954.172,997	8.563.648,654	7.850.015,620	1.609.236,257									
		Tiền lương mục 6000			5.852.463,144	7.206.752,136	7.595.628,355	1.354.208,992									
		a) Cán bộ quản lý			4.120.921,200	5.074.823,800	7.043.928,500	793.001,600									
		b) Giáo viên			192.970,800	237.625,200	329.804,640	44.654,400									
		c) Nhân viên			3.554.350,800	4.376.844,200	6.074.708,640	822.494,400									
		Hợp đồng trong chi tiêu			373.099,600	460.052,400	638.515,680	86.452,800									
		2) Giáo viên, nhân viên			0	0	0	0									
		a) Giáo viên			0	0	0	0									
		b) Nhân viên			0	0	0	0									
		Hợp đồng ngoài định os, Ogan			0	0	0	0									
		1) Giảng viên			0	0	0	0									
		2) Bảo vệ			0	0	0	0									
		3) Phục vụ			0	0	0	0									
		IV) Phụ cấp trợ phụ trợ															
		Biên chế			1.266.885,544	1.558.817,236	444.244,195	292.932,192									
		Chức vụ (6101)			1.266.885,544	1.558.817,236	444.244,195	292.932,192									
		Vượt khung (6117)			65.140,000	80.460,000	111.672,000	15.120,000									
		Vượt khung (6117)			37.057,944	45.633,376	63.335,305	8.975,392									
		Lưu địa (6112)			1.154.775,600	1.421.996,400	267.220,800	267.220,800									
		Trách nhiệm			8.712,000	10.728,000	2.016,000	2.016,000									
		Đặc biệt			0	0	0	0									
		Hợp đồng trong chi tiêu (giáo viên, nhân viên)			0	0	0	0									
		Chức vụ (6101)			0	0	0	0									
		Vượt khung (6117)			0	0	0	0									
		Lưu địa (6116)			0	0	0	0									
		Trách nhiệm đặc biệt			0	0	0	0									
		V) Phụ cấp nhà giáo			465.656,400	573.411,600	107.755,200	107.755,200									
		C) Số định biên chính lịch			414.233,820	510.089,580	95.855,760	95.855,760									
		Hệ số bình quân			2,10												
		Tiền lương			335.411,600	413.128,000	77.616,400	77.616,400									
		Các khoản đóng góp (23,5%)			79.821,820	97.661,580	18.239,760	18.239,760									
		II) Chi hoạt động: 2132 HS * 1.249.000đ/HS (trừ mục 6200/6250/6400)			2.662.868,000	2.662.868,000	2.662.868,000	2.662.868,000									
		III) Các khoản nhà nước chi trả (23,5%)			992.479,999	1.222.144,792	229.664,793	229.664,793									
		1) Các khoản đóng góp (6300) - miễn chế			992.479,999	1.222.144,792	229.664,793	229.664,793									
		2) Các khoản đóng góp (6300) - Hợp đồng			0	0	0	0									
		17,5% BHXH															
		1% BHYT															
		2% KPCD															
		1% BHYTN															
		IV) Các khoản nhà nước chi trả (23,5%)			109.429,254	134.751,276	25.322,422	25.322,422									
		1) Các khoản đóng góp (6300) - miễn chế			109.429,254	134.751,276	25.322,422	25.322,422									
		17,5% BHXH															
		1% BHYT															
		2% KPCD															
		1% BHYTN															
		V) Các khoản theo mục tiêu			154.000,000	141.000,000	10.000,000	10.000,000									
		1) Bảo vệ 02 phục vụ			141.000,000	141.000,000	10.000,000	10.000,000									
		2) Hỗ trợ phổ cập			10.000,000	10.000,000	0	0									

Gõ Vập ngày 22 tháng 10 năm 2019

TRƯỜNG THCS LUY TỬ TRỌNG  
 KẾ TOÁN  
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế toán

*(Handwritten signature)*